

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 124/2023/DS-PT

Ngày 13-9-2023

*V/v Tranh chấp thực hiện nghĩa
vụ trả tiền*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Quân

Các Thẩm phán: Ông Lê Minh Tuấn, ông Nguyễn Hồng Thái.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Phương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 95/2023/TLPT-DS ngày 17 tháng 7 năm 2023 về việc: “*Tranh chấp thực hiện nghĩa vụ trả tiền*”. Do Bản án dân sự sơ thẩm số 25/2023/DS-ST ngày 11 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố P bị kháng cáo. Theo Quyết định hoãn phiên tòa số 108/2023/QĐ-PT ngày 06 tháng 9 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lưu Thị Mai L, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Tổ B, khu chợ thị trấn V, huyện T, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Lưu Xuân T, sinh năm 1957. Địa chỉ: Số C, ngõ C đường T, thị trấn V, huyện T, thành phố Hà Nội (theo giấy ủy quyền ngày 06/12/2022 tại Văn phòng C, số công chứng: 8630, quyển số 06/2022 TP/CC-SCC/HĐGD).

- Bị đơn: Ông Phạm Lễ T1, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Khu phố A, phường M, thành phố P, tỉnh Bình Thuận.

Người kháng cáo: Bị đơn ông Phạm Lễ T1.

Tại phiên tòa có mặt ông Lưu Xuân T, ông Phạm Lễ T1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông Lưu Xuân T là người đại diện cho nguyên đơn trình bày:

Bà L có chuyển cho ông Phạm Lễ T1 nhiều lần tiền, tổng cộng là 1.125.000.000 (một tỷ một trăm hai mươi lăm triệu) đồng để nhờ ông T1 mua giùm đất của bà T2, do giữa bà L và ông T1 đã làm ăn với nhau được thời gian nên hai bên không thỏa thuận tiền hoa hồng, chỉ khi nào thành công mới đưa ông T1 một khoản tiền để cảm ơn, tùy vào giá cả của thửa đất. Nhưng do ông T1 nói không thực hiện được việc mua đất của bà T2 nên hứa sẽ trả tiền lại cho bà L. Việc thỏa thuận làm ăn giữa bà L và ông T1 chỉ thể hiện qua điện thoại và mạng xã hội, không có làm giấy tờ.

Tháng 04/2020, do ông T1 không thực hiện được việc mua đất cho bà L nên giữa hai bên thỏa thuận chấm dứt mối giới và không thực hiện tiếp việc mua đất nữa, đồng thời ông T1 sẽ trả lại cho bà L số tiền đã nhận là 1.125.000.000 đồng và giữa hai bên có thỏa thuận với nhau việc ông T1 phải trả lãi cho bà L theo lãi suất là 13%/năm của số tiền trên tính từ tháng 04/2020. Tại phiên tòa sơ thẩm, ông T lại xác định việc thỏa thuận chấm dứt giao dịch mua bán đất giữa bà L và ông T1 thông qua mạng xã hội Zalo vào ngày 31/12/2021 với nội dung nêu trên, ngoài ra không có thỏa thuận nào khác liên quan đến số tiền này. Ông Trung đại d cho bà L yêu cầu ông T1 trả lại số tiền 1.125.000.000 đồng. Đối với tiền lãi, ông T yêu cầu ông T1 phải trả tiền lãi cho bà L là 13%/năm tính từ ngày 01/5/2020 cho đến khi trả hết tiền 1.125.000.000 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn ông Phạm Lễ T1 trình bày:

Ông thừa nhận có nhận của bà Lưu Thị Mai L tổng số tiền là 1.125.000.000 đ là tiền bà L chuyển cho ông để mua đất của ông. Giữa hai bên không có làm giấy tờ, bà L chuyển tiền qua ngân hàng và giữa hai bên có thỏa thuận qua mạng xã hội Zalo. Nhưng do đất chưa làm được sổ nên không ký hợp đồng chuyển nhượng cho bà L được. Còn việc ông T trình bày là mối giới là không đúng. Lý do đất chưa làm được sổ nhưng ông vẫn nhận tiền của bà L vì bà L muốn mua nên ông mới nhận tiền. Quá trình giải quyết vụ án ông cho rằng cuối tháng 4/2020 giữa hai bên thỏa thuận việc chấm dứt việc mua bán đất do bà L không mua nữa. Trong đó thể hiện ông và bà L có thỏa thuận ông sẽ trả lại cho bà L số tiền là 1.125.000.000 đồng, việc thỏa thuận này bằng miệng, qua tin nhắn mạng xã hội Zalo, nhưng lúc đó ông không có tiền trả nên phải chuyển nhượng cho bà L miếng đất ở khu phố A, phường M thuộc thửa đất số 107, tờ bản đồ số 38 cho bà L tạm giữ để đảm bảo cho khoản tiền 1.125.000.000 đồng, khi nào ông bán được miếng đất của bà T2 thì sẽ trả tiền cho bà L. Việc chuyển nhượng này có lập tại Văn phòng C ngày 28/4/2020, nhưng bà L không đứng tên mà chỉ định cho ông Trần Công L1 đứng tên bên nhận chuyển nhượng. Người đứng tên bên chuyển nhượng là bà Nguyễn Thị Kim H, ông Tô Hạnh P còn bên nhận chuyển nhượng là ông Trần Công L1.

Nay bà L yêu cầu trả số tiền 1.125.000.000 đồng và tiền lãi thì ông chỉ đồng ý trả tiền gốc cho bà L với điều kiện bà L và ông L1 phải trả lại cho ông nhà đất ở khu phố A, phường M. Còn tiền lãi thì ông không đồng ý trả.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 25/2023/DS-ST ngày 11 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố P đã quyết định:

Căn cứ:

- Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 92; Điều 147, Điều 235, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 119, Điều 280, Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự;

- Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Luật thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lưu Thị Mai L.

Buộc ông Phạm Lễ T1 trả cho bà Lưu Thị Mai L số tiền 1.125.000.000 (*một tỷ một trăm hai mươi lăm triệu*) đồng và 199.468.675 (*một trăm chín mươi chín triệu bốn trăm sáu mươi tám nghìn sáu trăm bảy mươi lăm*) đồng tiền lãi. Tổng cộng: 1.324.468.675 (*một tỷ ba trăm hai mươi bốn triệu bốn trăm sáu mươi tám nghìn sáu trăm bảy mươi lăm*) đồng.

Kể từ ngày 12/5/2023 cho đến khi thi hành án xong, ông T1 còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận là 13%/năm, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, quyền kháng cáo, quyền và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự.

Ngày 24 tháng 5 năm 2023, bị đơn ông Phạm Lễ T1 kháng cáo một phần bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Ông Phạm Lễ T1 giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Ông đồng ý trả số tiền gốc, không đồng ý trả lãi.

- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Lưu Xuân T không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông T1.

- Kiểm sát viên phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thư ký, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; người tham gia tố tụng chấp hành pháp luật. Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông T1 phải trả tiền gốc và một phần tiền lãi cho bà L là có căn cứ, chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện đối với khoản lãi là phù hợp. Tuy nhiên, cấp sơ thẩm không tuyên rõ phần yêu cầu nào của nguyên đơn không được Tòa án chấp nhận và nghĩa vụ chịu án phí đối với phần yêu cầu không được chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm, xác định rõ phần lãi suất không được chấp nhận và xác định án phí mà nguyên đơn phải chịu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu, chứng cứ, ý kiến trình bày tại phiên tòa của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn vắng mặt nhưng có người đại diện theo ủy quyền tham gia phiên tòa; Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: Đối với số tiền gốc: Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, ông T1 thừa nhận có việc bà L chuyển cho ông tổng số tiền là 1.125.000.000 đồng để thực hiện những giao dịch liên quan đến đất đai nhưng các bên đã chấm dứt việc này và ông T1 đồng ý trả lại cho bà L toàn bộ số tiền đã nhận là 1.125.000.000 đồng. Ông T1 kháng cáo bản án sơ thẩm, ông chỉ đồng ý trả số tiền này cho bà L với điều kiện bà L phải trả lại cho ông căn nhà ở khu phố A, phường M, thành phố P. Đối với căn nhà này, bị đơn ông Tín c nêu ra, ông T1 không có yêu cầu phản tố tranh chấp căn nhà này với bà L. Sau khi được Hội đồng xét xử giải thích quy định của pháp luật, ông T1 đồng ý trả cho bà L số tiền gốc là 1.125.000.000 đồng, đối với căn nhà ở khu phố A, phường M nếu có tranh chấp sẽ giải quyết trong vụ án khác.

[3] Về số tiền lãi: Ông Phạm Lễ T1 cho rằng, quá trình trao đổi giữa hai tài khoản mạng xã hội Z “Mai Lan” của bà Lưu Thị Mai L và tài khoản “Culi Sep” của Phạm Lễ T1 có nhiều đoạn tin nhắn trao đổi khác thể hiện ông Tín c đồng ý trả nợ gốc chứ không đồng ý trả tiền lãi vì khoản tiền ông nợ bà L là tiền đặt cọc mua đất. Nội dung này không được phía bà L thừa nhận. Qua những tin nhắn trao đổi giữa hai tài khoản zalo của ông T1 và bà L thể hiện hai bên thống nhất chấm dứt việc làm ăn vào ngày 31/12/2021, thống nhất lãi suất theo mức lãi vay của Ngân hàng là 13%/năm. Do đó, thời điểm phát sinh nghĩa vụ trả tiền của ông Phạm Lễ T1 phát sinh từ ngày 01/01/2022. Theo quy định tại Điều 280 Bộ luật Dân sự, nghĩa vụ trả tiền bao gồm cả tiền lãi trên nợ gốc, trừ trường hợp có thỏa thuận khác. Tòa án cấp sơ thẩm xác định thời điểm tính lãi từ ngày 01/01/2022 và lãi suất 13%/năm là đúng theo thỏa thuận của các bên và phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó, kháng cáo của bị đơn không có căn cứ chấp nhận.

[4] Nguyên đơn yêu cầu tính lãi từ ngày 01/5/2020, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tính lãi từ ngày 01/01/2022 nhưng cấp sơ thẩm không tuyên phần yêu cầu nào của nguyên đơn không được Tòa án chấp nhận và xác định nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm của nguyên đơn đối với phần yêu cầu không được Tòa án chấp nhận là thiếu sót. Tuy nhiên, vấn đề này không có kháng cáo, không bị kháng nghị, không ảnh hưởng đến quyền lợi của các đương sự nên không thuộc phạm vi xét xử phúc thẩm. Hội đồng xét xử nêu ra để cấp sơ thẩm rút kinh nghiệm.

[5] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Phạm Lễ T1 phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; không chấp nhận kháng cáo của ông Phạm Lễ T1, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 25/2023/DS-ST ngày 11 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố P.

Áp dụng: - Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 92; Điều 147, 148, của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 119, Điều 280, Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự;

- Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Luật thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lưu Thị Mai L.

Buộc ông Phạm Lễ T1 trả cho bà Lưu Thị Mai L số tiền 1.125.000.000 (*một tỷ một trăm hai mươi lăm triệu*) đồng và 199.468.675 (*một trăm chín mươi chín triệu bốn trăm sáu mươi tám nghìn sáu trăm bảy mươi lăm*) đồng tiền lãi. Tổng cộng: 1.324.468.675 (*một tỷ ba trăm hai mươi bốn triệu bốn trăm sáu mươi tám nghìn sáu trăm bảy mươi lăm*) đồng.

Kể từ ngày 12/5/2023 cho đến khi thi hành án xong, ông T1 còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận là 13%/năm, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.

2. Về án phí: Ông Phạm Lễ T1 phải chịu 51.734.060 đồng án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0015833 ngày 24/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P. Ông Phạm Lễ T1 còn phải nộp 51.734.060 đồng.

Bà Lưu Thị Mai L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho bà L 26.535.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0013949 ngày 30/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P.

Trường hợp Bản án thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự đã sửa đổi, bổ sung, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự đã sửa đổi, bổ sung. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự đã sửa đổi, bổ sung.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (13/9/2023).

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh B.Thuận;
- TAND cấp huyện;
- Chi cục THADS cấp huyện;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Quân